TÒA ÁN NHÂN DÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TP. QUY NHƠN - T. BÌNH ĐỊNH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1244/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 21-12-2023

V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN TỈNH BÌNH ĐỊNH

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có* :**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông ***Trần Đông Thiên***

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy

2. Bà Nguyễn Thị Vân

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn:

Ông Phạm Ngọc Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 972/2023/TLST- HNGĐ ngày 10.10.2023 về việc *Ly hôn*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 342/2023/QĐXX-ST ngày 14.11.2023 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đình H , sinh năm 1964

Địa chỉ : tổ 11, KV2, phường T, thành phố Q, tỉnh B.

Bị đơn : Chị Huỳnh Thị H, sinh năm 1966

Địa chỉ : tổ 11, KV2, phường T, thành phố Q, tỉnh B.

(Anh H có mặt, chị H vắng mặt lần 2)

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện ngày 05.9.2023 và các lời khai tiếp theo tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Đình H trình bày:

+ *Quan hệ hôn nhân*: Anh và chị H tự nguyện tìm hiểu, thời gian 1 năm, sau đó đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 1982 nhưng không có đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cải vả, do khác biệt cách dạy con, về kinh tế, về lối sống, hai người không sống chung từ đầu năm 2023 cho đến nay; nay tình cảm không còn, anh xin ly hôn với chị H.

+ Quan hệ con chung: Vợ chồng có 03 con chung: cháu Nguyễn Thị Ngọc D sinh năm 1984, cháu Nguyễn Thị Ngọc D sinh năm 1985 và cháu Nguyễn Đình H sinh năm 1990; sức khỏe 03 cháu bình thường; 03 cháu đã trưởng thành không yêu cầu Toà giải quyết.

+ Quan hệ tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa giải quyết

** Bị đơn chị Huỳnh Thị H đến Toà khai báo nhưng không đến Tòa tham gia hoà giải, xét xử mặc dù Toà đã tống đạt hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật.*

Ý kiến đại diện VKSND TP. Quy Nhơn tham dự phiên tòa phát biểu:

Ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự quy định.

Ý kiến về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu của anh H về việc xin ly hôn chị H; án phí anh H phải chịu theo quy định pháp luật.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về tố tụng:

Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn đã triệu tập chị Huỳnh Thị H và chị H đến Toà khai báo nhưng không đến Tòa tham gia hoà giải mặc dù Toà đã nhiều lần gửi giấy báo triệu tập, thông báo về phiên hòa giải; phiên xét xử cho chị H nhưng chị H đều không đến Tòa làm việc. Đây là trường hợp bị đơn cố tình lẩn tránh gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 BLTTDS Tòa án vẫn đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Anh H và chị H tự nguyện tìm hiểu thời gian 01 năm, sau đó anh chị đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn vào năm 1982 và đến nay cũng không có đăng ký kết hôn, đây là trường hợp hôn nhân thực tế xác lập trước ngày 03.01.1987, được quy định tại điểm a khoản 3 nghị quyết của Quốc hội số 35/2000/QH10 ngày 09.6.2000; khoản 1 thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC- BTP ngày 03.01.2001; Điều 28 BLTTDS-2015 nên vụ án có quan hệ pháp luật ly hôn.

Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân :

Anh Hg và chị H có tổ chức lễ cưới khi về chung sống với nhau, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình. Trong quá trình chung soáng hai bên xãy ra mâu thuẫn; theo anh H, anh chị thường xuyên cải vả, do khác biệt cách dạy con, về kinh tế, nặng nề từ đầu năm 2023 cho đến nay. Nay anh thấy tình cảm không còn, yêu cầu ly hôn với chị H; tại bản khai ngày 10.10.2023 chị H khai nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị thường xuyên cải vả, do khác biệt cách dạy con, về kinh tế, anh H có tính bạo lực gia đình, nặng nề nhất đầu năm 2023 đến nay, cả hai không có trách nhiệm với nhau và không còn chung sống với nhau, nay qua yêu cầu anh H, chị cũng đồng ý ly hôn nên HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H.

[3] Về quan hệ con chung:

Quá trình chung sống anh H, chị H thống nhất có 03 con chung: cháu Nguyễn Thị Ngọc D sinh năm 1984, cháu Nguyễn Thị Ngọc D sinh năm 1985 và cháu Nguyễn Đình H sinh năm 1990; sức khỏe 3 cháu bình thường; 3 cháu đã trưởng thành không yêu cầu Toà giải quyết; nên HĐXX ghi nhận.

[4] Về quan hệ tài sản chung:

Anh H, chị H thống nhất không yêu cầu Toà giải quyết, đây là ý chí tự nguyện của hai bên đương sự, sự tự nguyện này không trái đạo đức xã hội và không trái quy định của pháp luật nên HĐXX ghi nhận.

[6] Về án phí:

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Anh H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm

Ý kiến đại diện VKSNDTPQN về nội dung vụ án phù hợp hướng nhận định của HĐXX nên chấp nhận

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm a khoản 3 Nghị quyết của Quốc hội số 35/2000/QH10 ngày 09.6.2000.

Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử* :**

1- *Về quan hệ hôn nhân:* Cho anh Nguyễn Đình H ly hôn chị Huỳnh Thị H.

2- *Về quan hệ con chung:*

Anh Nguyễn Đình H với chị Huỳnh Thị H thống nhất có có 03 con chung: cháu Nguyễn Thị Ngọc D sinh năm 1984, cháu Nguyễn Thị Ngọc D sinh năm 1985 và cháu Nguyễn Đình H sinh năm 1990; sức khỏe 3 cháu bình thường;

- *Về nuôi con*:

Anh Nguyễn Đình H với chị Huỳnh Thị H thống nhất 03 cháu đã trưởng thành không yêu cầu toà giải quyết.

3. *Về quan hệ tài sản chung:* Anh Nguyễn Đình H với chị Huỳnh Thị H thống nhất không yêu cầu, Toà án không giải quyết.

4. *Về án phí HNGĐ-ST* : Anh Nguyễn Đình H phải chịu 300.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000707 ngày 10.10.2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn. Anh H đã nộp đủ án phí HNGĐST.

5- *Về quyền kháng cáo :*

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận **:**
- *Các đương sự.*
- *VKSND Tp. Quy Nhơn*
- *Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ toạ phiên toà

Trần Đông Thiên